

Số: /TB-UBND

Phước Bình, ngày tháng năm 2026

THÔNG BÁO THU HỒI ĐẤT

**Thực hiện dự án: Xây dựng đường từ đường ĐT759 phường Phước Bình
đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT759)**

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội Quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội;

Căn cứ Thông tư số 10/2024/TT-BTNMT ngày 31/7/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định về hồ sơ địa chính, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;

Căn cứ Nghị quyết số 44/2024/NQ-HĐND ngày 06/12/2024 của HĐND tỉnh Bình Phước về việc thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định 400/QĐ-UBND ngày 24/02/2025 của UBND tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai Quy định về tiêu chí xác định khu vực, vị trí đất trong bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Nghị quyết số 28/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND tỉnh Đồng Nai về việc ban hành Quy định Bảng giá đất lần đầu trên địa bàn tỉnh Đồng Nai năm 2026 (nay là thành phố Đồng Nai);

Căn cứ Quyết định số 407/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về kế hoạch đầu tư công năm 2025 tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp (giao lần 1);

Căn cứ Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 16/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai sau sắp xếp (giao lần 1);

Căn cứ Quyết định số 42/2025/QĐ-UBND ngày 02/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) Ban hành quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 66/QĐ-UBND ngày 27/11/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 48/2025/QĐ-UBND ngày 23/10/2025 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 779/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Đồng Nai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 04/3/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) ban hành quy định đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; bán nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1370/QĐ-UBND ngày 06/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc ủy quyền cho UBND cấp xã thực hiện một số nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố Đồng Nai quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai áp dụng trên địa bàn thành phố Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 1757/UBND-KTNS ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai (nay là thành phố Đồng Nai) về việc thực hiện trình tự, công tác phối hợp về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND thị xã về việc phê duyệt báo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng đường từ đường ĐT759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT759);

Căn cứ Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 28/06/2025 của UBND thị xã Phước Long về việc phê duyệt điều chỉnh nội dung tại Quyết định số 512/QĐ-UBND ngày 22/05/2023 của UBND thị xã Phước Long;

Căn cứ Thông báo số 135/TB-UBND ngày 29/9/2023 của UBND thị xã về việc Thông báo thu hồi đất thực hiện công trình: Xây dựng đường từ đường ĐT759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT759);

Căn cứ bản đồ, mảnh trích đo địa chính (Mảnh số 21 đến 28 và mảnh số 30 đến 36) do Công ty TNHH Giang Sơn lập đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (cũ) thẩm định;

Căn cứ Quyết định số 332/QĐ-UBND ngày 04/8/2025 của UBND phường Phước Bình về việc thành lập Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Xây dựng đường từ đường ĐT759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT759) (*Hội đồng 332*);

Căn cứ Kế hoạch số 245/KH-HĐBT ngày 15/7/2026 của Hội đồng 332 về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng thực hiện công trình: Xây dựng đường từ ĐT 759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT 759);

Theo đề nghị của Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường tại Tờ trình số 577/TTr-KTHT&ĐT ngày 14/7/2026,

UBND phường Phước Bình thông báo cụ thể như sau:

1. Thu hồi đất của 20 hộ gia đình, cá nhân và tổ chức trên địa bàn phường Phước Bình, tỉnh Đồng Nai.

(Chi tiết có danh sách kèm theo)

2. Vị trí khu đất, loại đất, diện tích thu hồi:

- Vị trí khu đất thu hồi: Khu phố 1, khu phố Phước Vĩnh, phường Phước Bình, thành phố Đồng Nai.

- Tổng diện tích dự kiến thu hồi khoảng: 13.967,6m².

- Loại đất thu hồi: Đất ở đô thị (ODT) 350m² ; Đất nông nghiệp (CLN): 13.617,6 m².

3. Lý do thu hồi đất:

Thực hiện dự án: Xây dựng đường từ đường ĐT759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT759).

4. Thời gian điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm: Theo Kế hoạch số 245/KH-HĐBT ngày 15/7/2026.

5. Dự kiến về kế hoạch di chuyển, bố trí tái định cư:

Dự kiến Kế hoạch di chuyển: Sau khi UBND phường ban hành Quyết định thu hồi đất, đồng thời phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có) của dự án, Ban QLDA khu vực Phước Long phối hợp các cơ quan có liên quan tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ, thời gian hoàn thành trong 15 ngày. Việc di chuyển và bàn giao mặt bằng thực hiện trong thời gian 10 ngày kể từ ngày phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

Bố trí tái định cư: Thực hiện theo quy định *(nếu có)*.

6. Tổ chức thực hiện

6.1. Đề nghị các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thuộc diện bị thu hồi đất nêu trên có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng 332 thực hiện thống kê đất đai, nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất để lập Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định hiện hành *(dự kiến trong năm 2026)*.

Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan không chấp hành thì Nhà nước triển khai thực hiện kiểm đếm bắt buộc theo quy định của pháp luật.

6.2. Giao Hội đồng giải phóng mặt bằng dự án:

Có trách nhiệm giao Thông báo này cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (nếu có); Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan không nhận thông báo hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản cụ thể.

6.3 Giao Văn phòng HĐND và UBND phường

Niêm yết công khai Thông báo này tại trụ sở UBND phường, Hội trường khu phố có liên quan và Thông báo trên hệ thống truyền thanh của địa phương theo đúng quy định./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT. UBND phường;
- Phòng KTHĐTĐT;
- Ban QLDA KV Phước Long;
- VPĐKĐĐ CN. Phước Long;
- Ban Tiếp công dân phường;
- Như Mục 6 của Thông báo;
- TV. Hội đồng theo QĐ 332;
- LĐVP, CVVP;
- Lưu: VT. (Lâm/2026/HĐBT)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Sơn

TỔNG HỢP DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

Công trình: Xây dựng đường từ đường ĐT759 phường Phước Bình đến đường Bàu Nghé xã Phước Tín (song song đường ĐT759)

Số thửa	Diện tích (m ²)	Loại đất	Tên chủ sử dụng	Địa chỉ thửa đất	Ghi chú
MẢNH TĐ 21	7.497,0				
1	1.091,2	CLN	Đỗ Thanh Tùng	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
4	118,7	CLN	Đỗ Thanh Tùng	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
5	218,3	CLN	Đỗ Thanh Tùng	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
6	1.233,1	CLN	Đỗ Thanh Tùng	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
7	878,0	CLN	Đỗ Thanh Tùng	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
8	956,6	CLN	Đỗ Thanh Tùng	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
9	506,7	CLN	Đỗ Thanh Tùng	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
22	1.409,1	ODT+CLN	Ngô Có	Khu phố 1 - Phường Phước Bình	
23	15,6	ODT+CLN	Nguyễn Thị Diệp	Khu phố 1 - Phường Phước Bình	
24	229,5	ODT+CLN	Nguyễn Thị Diệp	Khu phố 1 - Phường Phước Bình	
25	328,5	ODT+CLN	Đặng Thị Kim Thành	Khu phố 1 - Phường Phước Bình	
26	211,9	ODT+CLN	Phan Nghiêm	Khu phố 1 - Phường Phước Bình	
27	299,8	ODT+CLN	Võ Thị Thanh Kiều	Khu phố 1 - Phường Phước Bình	
MẢNH TĐ 22	2.436,5				
4	248,0	CLN	Trần Xuân Vinh	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
5	323,2	CLN	Trần Quốc Đông	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	

6	960,7	CLN	Cao Văn Phi	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
17	2,3	CLN	Võ Văn Thành	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
18	141,3	CLN	Võ Văn Phúc	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
19	761,0	CLN	Võ Văn Bình	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
Mảnh TĐ 23	4.034,1				
5	3,9	CLN	Nguyễn Di	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
6	498,0	CLN	Nguyễn Thái Cường	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
7	1.335,9	CLN	Nguyễn Thái Cường	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
19	154,6	CLN	Nguyễn Thị Tường	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
20	706,3	CLN	Nguyễn Thị Tường	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
21	368,0	CLN	Trương Mộng Lệ	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
22	9,1	CLN	Nguyễn Thị Kim Hà	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
23	248,2	CLN	Ngô Thị Bích Ngọc	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
24	337,0	CLN	Trần Đình Nhân	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	
25	373,1	CLN	Nguyễn Thị Bích Liên	Khu phố Phước Vĩnh - Phường Phước Bình	